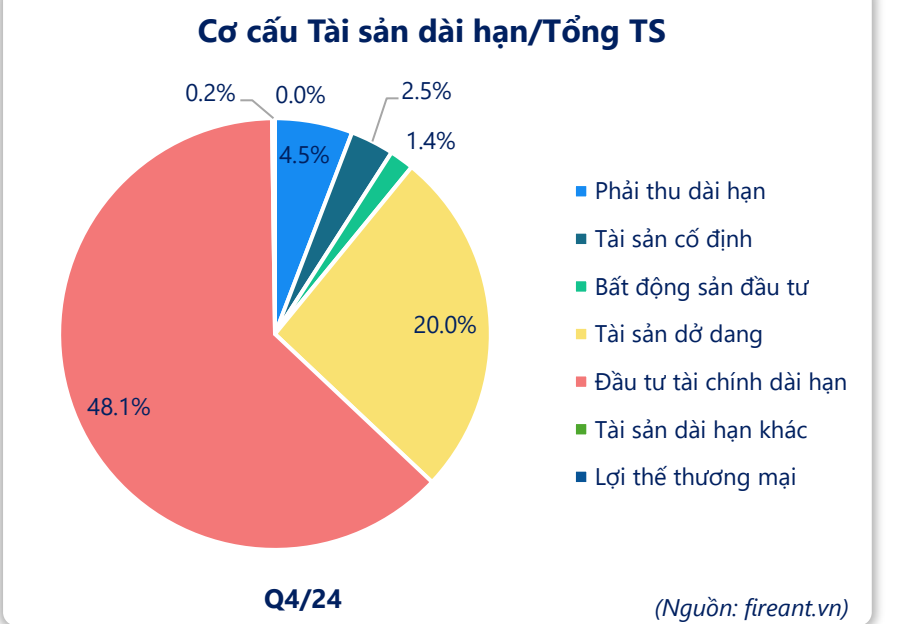
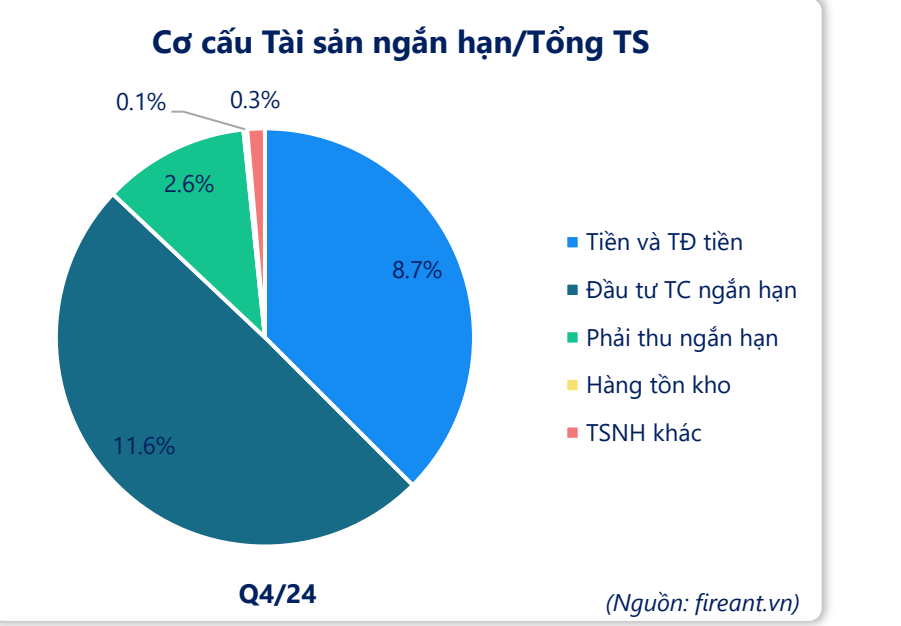
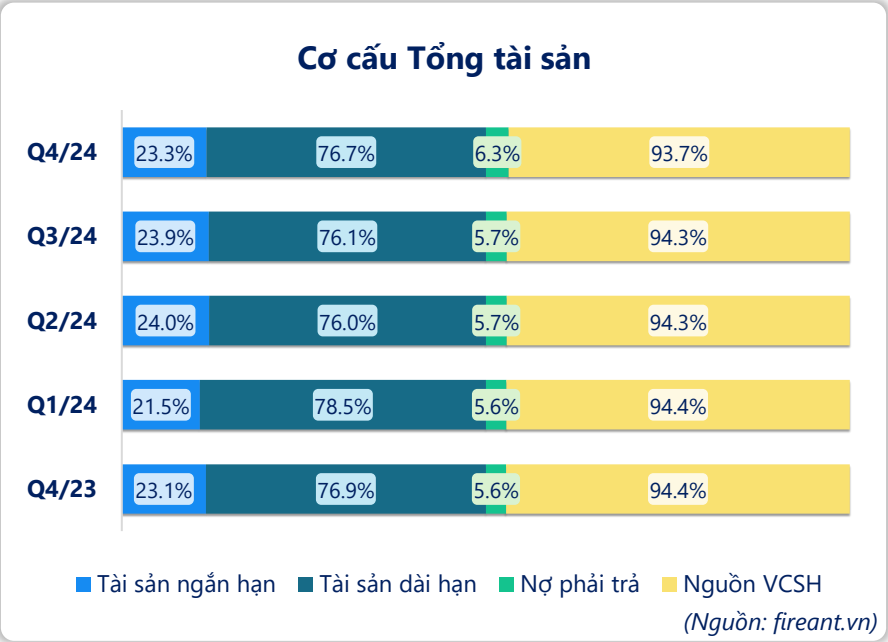
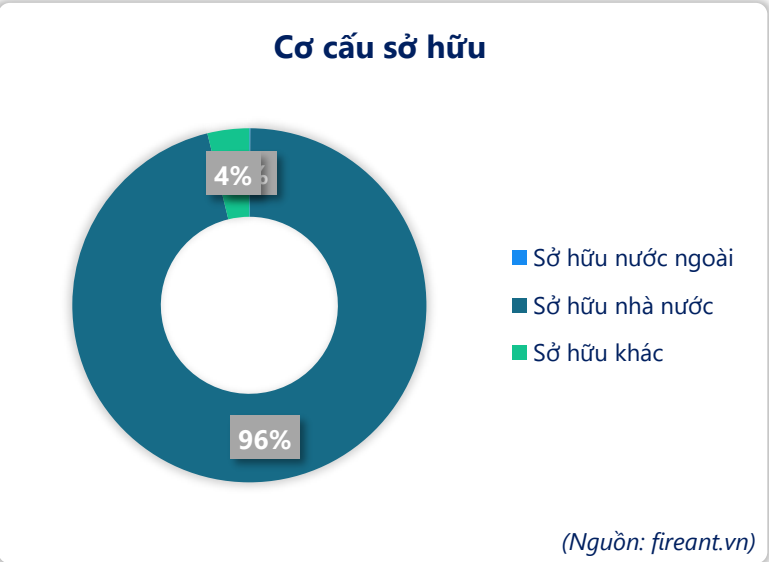
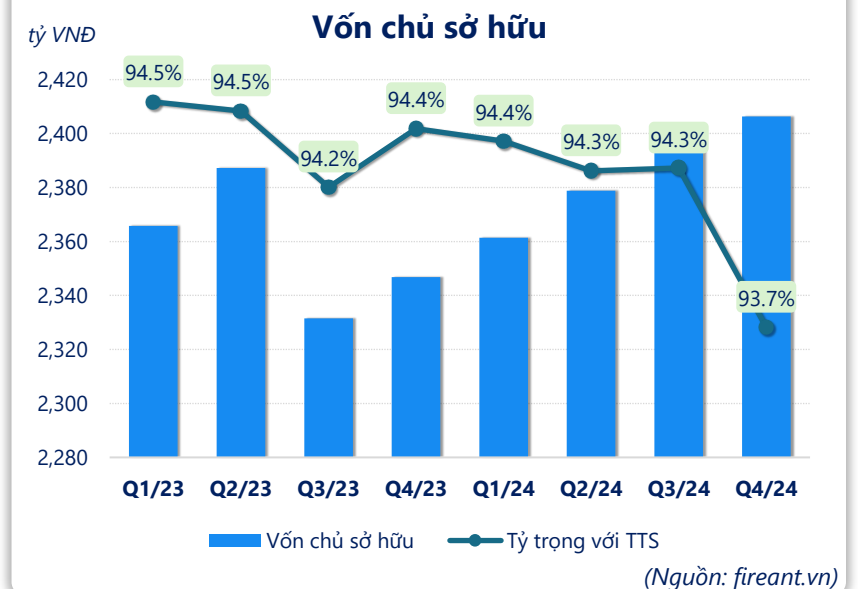
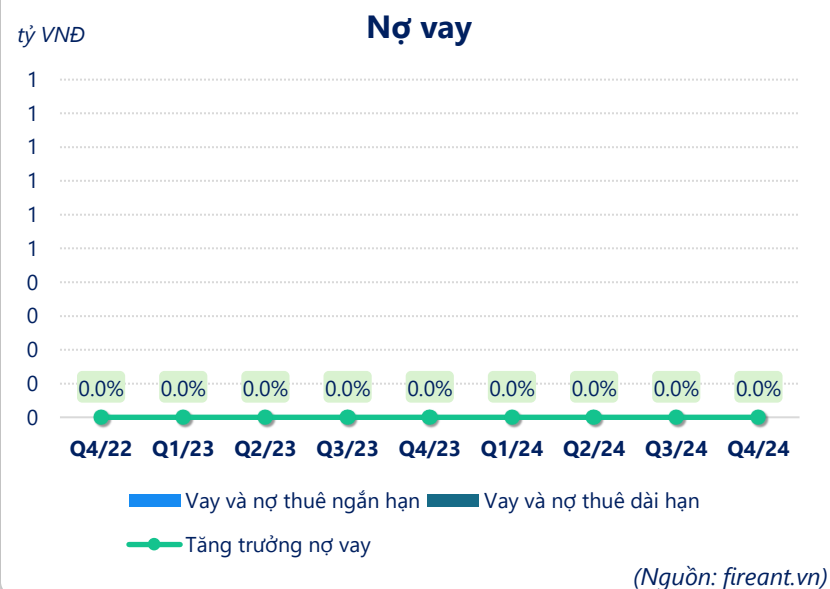
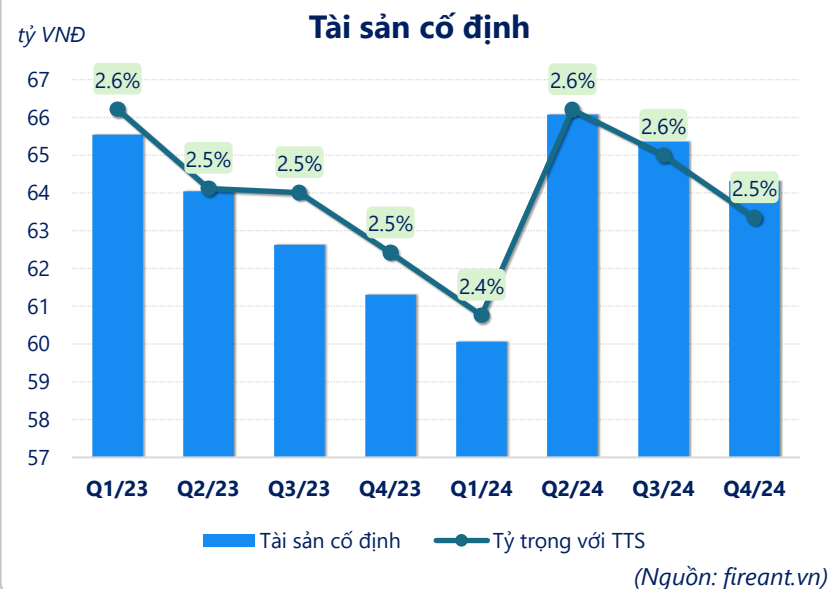
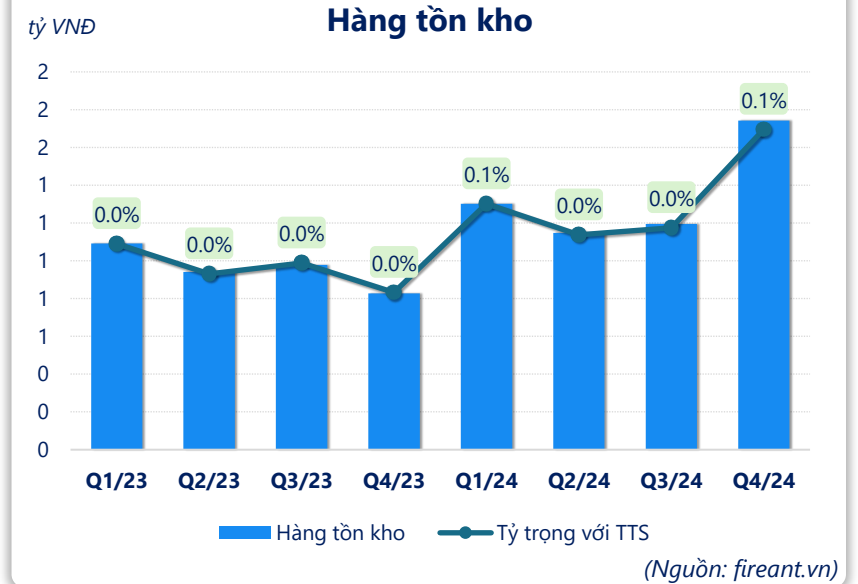
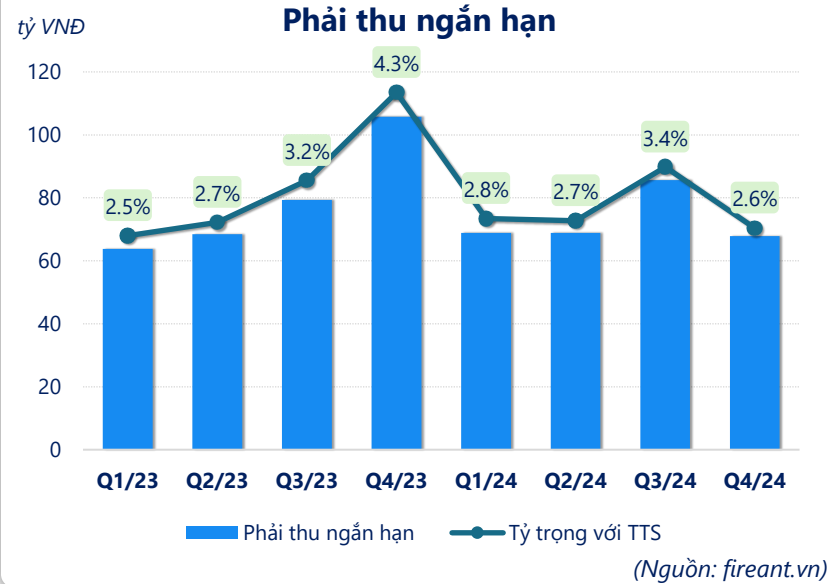
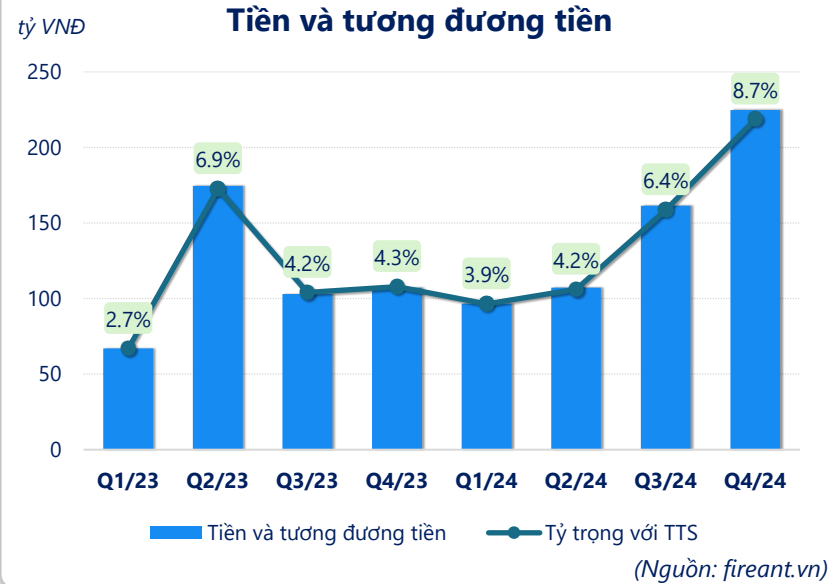
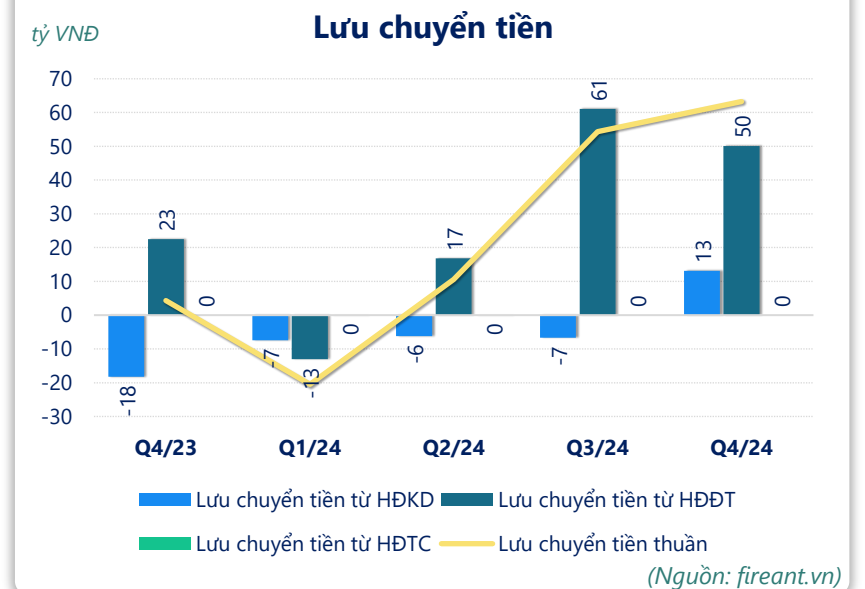
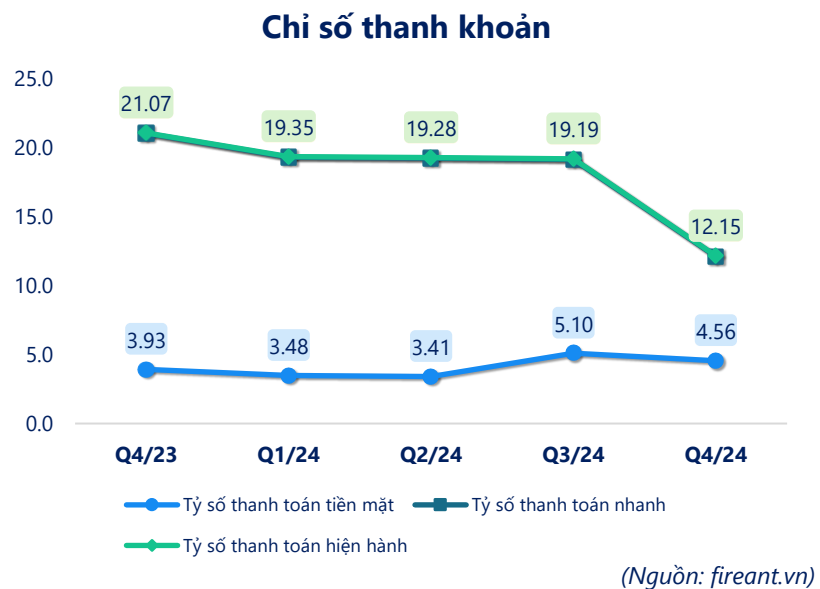
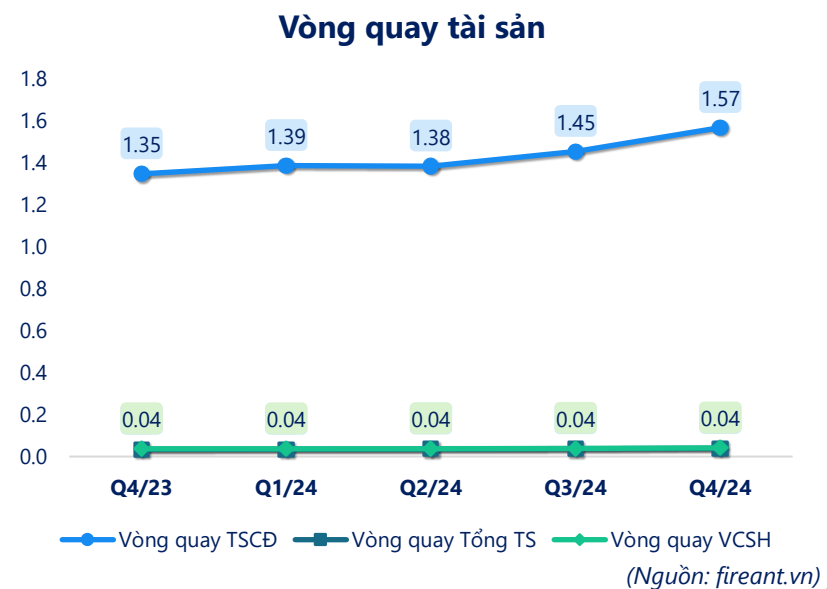
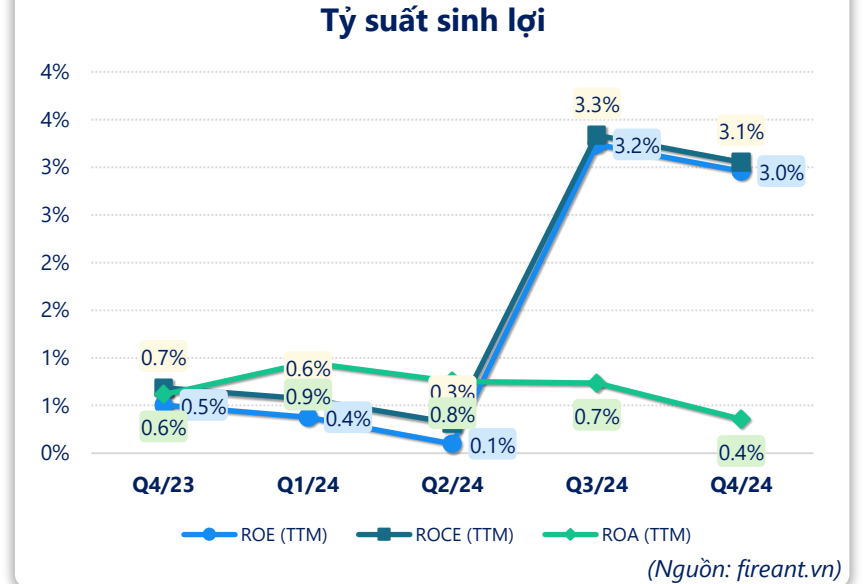
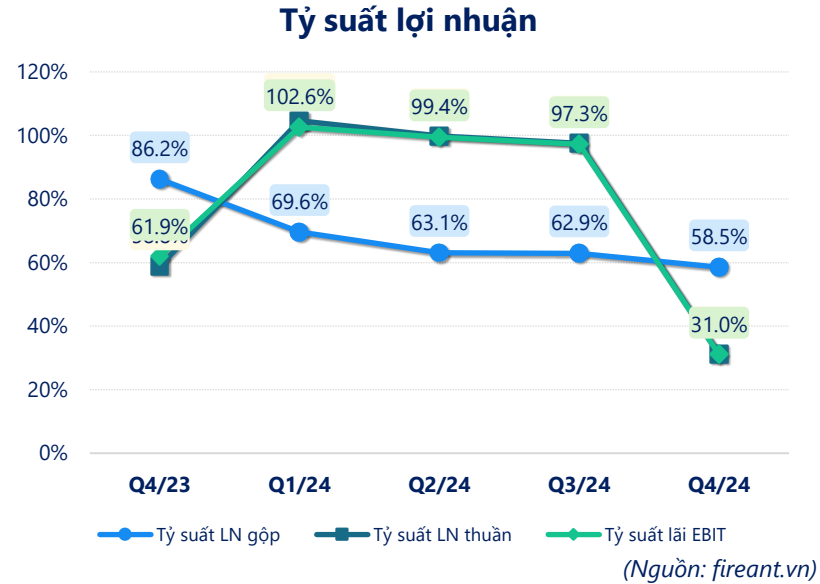
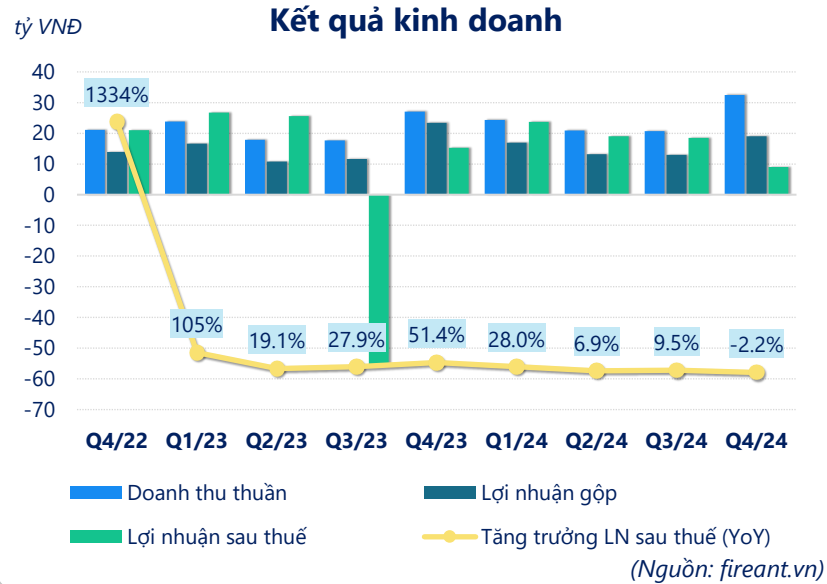


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		12,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,100
SL cổ phiếu LH		100,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		6,135
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,200
P/E		17.1
EPS		703

	YTD	1T	3T	6T
SID		-0.8%	-1.6%	-15.5%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	2,569	2,483	3.5%
Tài sản ngắn hạn	599	547	9.6%
Tiền và tương đương tiền	225	117	92.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	297	352	-15.7%
Phải thu ngắn hạn	67.8	67.4	0.7%
Hàng tồn kho	1.74	0.95	83.2%
Tài sản ngắn hạn khác	8.13	9.23	-11.9%
Tài sản dài hạn	1,969	1,936	1.7%
Phải thu dài hạn	115	112	2.0%
Tài sản cố định	64.3	61.3	4.9%
Bất động sản đầu tư	36.1	37.7	-4.4%
Tài sản dở dang	514	484	6.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,236	1,237	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	4.39	3.99	10.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	162	145	11.8%
Nợ ngắn hạn	49.3	32.5	51.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	19.2	1.88	920%
Nợ dài hạn	113	113	0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,406	2,338	2.9%
Vốn chủ sở hữu	2,406	2,338	2.9%
Vốn điều lệ	1,000	1,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	27.1	24.4	20.9	20.7	32.5
Giá vốn hàng bán	3.72	7.40	7.70	7.68	13.5
Lợi nhuận gộp	23.4	17.0	13.2	13.0	19.0
Doanh thu HĐTC	5.58	4.95	5.14	4.85	5.45
Chi phí TC	0.00	-0.61	-0.10	-0.80	1.82
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	25.1	20.7	18.1	17.7	17.0
Chi phí bán hàng	5.51	4.75	4.76	4.29	6.83
Chi phí QLDN	32.6	13.0	10.9	11.9	22.6
LN thuần từ HĐKD	15.9	25.5	20.8	20.2	10.1
Lợi nhuận khác	0.82	-0.48	-0.09	-0.05	-0.05
LN trước thuế	16.8	25.0	20.7	20.1	10.1
Lợi nhuận sau thuế	15.3	23.8	19.0	18.5	9.03
LNST của CĐ cty mẹ	15.3	23.8	19.0	18.5	9.03

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-18.3	-7.48	-6.17	-6.71	13.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	22.6	-13.0	16.8	61.0	50.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-0.01	0.00	0	0
Tiền đầu kỳ	103	117	96.6	107	161
Lưu chuyển tiền thuần	4.27	-20.5	10.6	54.3	63.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	107	96.6	107	161	225

(Nguồn: fireant.vn)